

Số: 797/2025/QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số Điều của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Kim Thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã; Thủ trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị, đoàn thể xã; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, thị tứ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- BCĐ về phát triển KH, CN, ĐMST, CDS & ĐA06;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nghiệp

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ ở xã Kim Thành

(Kèm theo Quyết định số 797/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kim Thành)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở xã Kim Thành; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ.

2. Đối tượng áp dụng: Mọi công dân cư trú trên địa bàn xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ trên địa bàn xã.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ trên địa bàn xã.

2. Thực hiện dân chủ phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của UBND, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ.

3. Thực hiện dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Chương II

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ

Mục 1

CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở XÃ

Điều 3. Những nội dung phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật Nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai.

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cơ quan, đơn vị và kết quả thực hiện.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cơ quan, đơn vị trình HĐND xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được HĐND xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã; quy hoạch xây dựng và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho xã, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi xã.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của HĐND, UBND xã.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của HĐND, UBND xã.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công

dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của HĐND xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND xã.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung HĐND, UBND xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 17 của Quy chế này..

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do HĐND, UBND xã trực tiếp thu.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do UBND xã trực tiếp thực hiện.

14. Các nội dung cụ thể khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 4. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Hình thức công khai thông tin:

- a) Niêm yết thông tin;
- b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của HĐND, UBND xã;
- c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã;
- d) Thông qua Trưởng các thôn, thị tứ để thông báo đến công dân;
- đ) Gửi văn bản đến công dân;
- e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân;
- g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của UBND xã theo quy định của pháp luật;
- h) Thông báo đến tổ chức chính trị và các tổ chức, đoàn thể khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;
- i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã, tại các thôn, thị tứ;
- k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì

chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, UBND xã phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 5. Lựa chọn hình thức công khai thông tin

1. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử của xã những nội dung HĐND, UBND xã đã công khai.

2. UBND xã niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 3 Quy chế này tại trụ sở HĐND, UBND xã, tại Nhà văn hóa các thôn, thị tứ. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 3 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở HĐND, UBND xã và được cập nhật khi có sự thay đổi.

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 3 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục và được gửi đến Trưởng thôn, Trưởng thị tứ để thông báo đến Nhân dân thông qua một hoặc nhiều hình thức: thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức, hội, đoàn thể khác ở thôn, thị tứ; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn (nếu có).

4. Các hình thức công khai thông tin khác tùy vào tình hình thực tế của xã.

5. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin

1. UBND xã có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã được UBND xã thông qua; kiểm tra, đôn đốc và báo cáo UBND xã về kết quả thực hiện.

- Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định.

2. UBND xã có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi UBNDTTQVN xã để giám sát.

Mục 2 **NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

Điều 7. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn xã, thôn, thị tứ do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Trưởng thị tứ.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 8. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, Chủ tịch UBND xã sau khi thống nhất với Chủ tịch UBNDTTQVN xã quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn, Trưởng thị tứ tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ, Trưởng thôn, Trưởng thị tứ sau khi thống nhất với Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại thôn, thị tứ có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 7 của Quy chế này và được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình trong thôn, thị tứ đồng thuận thì gửi đề xuất đến Trưởng thôn, Trưởng thị tứ để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

- Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở thôn, thị tứ đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ tán thành thì Trưởng thôn, Trưởng thị tứ đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

- Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

Điều 9. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch UBND xã, Trưởng thôn, Trưởng thị tứ tổ chức để Nhân dân trong thôn, thị tứ bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;
- c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 7 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp thôn, thị tứ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Quy chế này.

Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 7 của Quy chế này mà Trưởng thôn, Trưởng thị tứ sau khi thống nhất với Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 10. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn, Trưởng thị tứ triệu tập và chủ trì tổ chức. Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Trưởng thị tứ thì Chủ tịch UBND xã chỉ định đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn, thị tứ đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn Trưởng thị tứ, Ban công tác Mặt trận thôn, thị tứ, đại diện các hộ gia đình trong thôn, thị tứ.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp thôn, thị tứ có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

Trưởng thôn, Trưởng thị tứ có thể ủy quyền cho thành viên Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với Trưởng thôn, Trưởng thị tứ để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, thị tứ.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm Thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 11. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

1. Trưởng thôn, Trưởng thị tứ tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ hoặc trong địa bàn xã đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch UBND xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn, Trưởng thị tứ quyết định sau khi đã thống nhất với Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ.

2. Trưởng thôn, Trưởng thị tứ phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở thôn, thị tứ về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 12. Quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng thôn, Trưởng thị tứ lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;
- b) Tổng số hộ gia đình trong thôn, thị tứ; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;
- c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;
- d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;
- đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;
- e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;
- g) Chữ ký của Trưởng thôn, Trưởng thị tứ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, thị tứ và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, biểu quyết trực tuyến, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến UBND, UBMTTQVN xã.

Điều 13. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, thị tứ tán thành.

- Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã được thông qua khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thôn, thị tứ trở lên tán thành.

- Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 7 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, thị tứ tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 6 Điều 7 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua.

- Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, thì thời điểm có hiệu lực do UBND xã quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư.

- Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều 7 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày UBND xã ban hành quyết định công nhận.

- Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày UBMTTQVN xã ban hành quyết định công nhận.

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của cộng đồng dân cư, UBND xã, UBMTTQVN xã phải ban hành Quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

b) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. UBND xã quyết định bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, UBND xã quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

Quyết định bãi bỏ hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của cộng đồng dân cư phải được UBND xã gửi đến Trưởng thôn, Trưởng thị tứ để thông báo đến Nhân dân và được gửi đồng thời đến UBMTTQVN xã.

3. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của mình khi xét thấy cần thiết hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của mình theo đề nghị của UBND xã theo đúng trình tự, thủ tục tại Điều 10, 11, 12 và 13 của Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. UBND xã có kế hoạch tổ chức đề Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã; UBND, Chủ tịch UBND xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi của xã; kiểm tra theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ..

UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND xã về việc tổ chức đề Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến UBNDTTQVN xã để giám sát.

2. Trưởng thôn, Trưởng thị tứ có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân tại thôn, thị tứ; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở thôn, thị tứ và đến UBND xã.

3. UBNDTTQVN xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức đề Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định..

Điều 16. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ, trong địa bàn xã; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, thị tứ, trong địa bàn xã; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến UBND xã, UBNDTTQVN xã và Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 3

NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 17. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho UBND xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, thị tứ, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của UBND xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn xã.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền xã thấy cần lấy ý kiến.

Điều 18. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

1. Hình thức lấy ý kiến Nhân dân:

- a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân;
- b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

- c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;
- d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng (nếu có);
- đ) Thông qua Ban Công tác Mặt trận ở thôn, thị tứ và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- e) Thông qua Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của HĐND, UBND xã;
- g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn, thị tứ;
- h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 17 của Quy chế này.

2. Tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở xã, UBND xã quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định về việc áp dụng hình thức, cách thức tổ chức cụ thể để lấy ý kiến cụ thể của Nhân dân về nội dung nhất định thì việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Điều 19. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. UBND xã có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 17 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của xã, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến HĐND và UBMTTQVN xã.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì UBND xã tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. UBND xã phối hợp với UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của xã để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo HĐND, UBND xã quyết định và thực hiện

việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì UBND xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến UBND xã để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND xã về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến UBMTTQVN xã để giám sát.

6. UBMTTQVN xã phối hợp với UBND xã trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân trên địa bàn; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của MTTQVN theo quy định của pháp luật.

UBMTTQVN xã thực hiện giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trong trường hợp UBND xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành và quá trình, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 20. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Mục 4

NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 21. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của HĐND, UBND xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ.

Điều 22. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:
 - a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;
 - b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ và người dân ở cộng đồng dân cư;
 - c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của HĐND, UBND xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, thị tứ, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;
 - d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. HĐND, UBND xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, thị tứ, Ban Công tác Mặt trận ở thôn, thị tứ, các tổ chức, đoàn thể mà công dân là thành viên, hội viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. UBND xã có trách nhiệm:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính

quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của MTTQVN xã hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

c) Phối hợp cùng UBMTTQVN xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn xã làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở xã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của UBND xã trong tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ

1. Tổ chức thực hiện dân chủ ở xã.
2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và các thôn, thị tứ trên địa bàn xã.
3. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, UBMTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã.
4. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Quy chế này.

Điều 25. Trách nhiệm của UBMTTQVN xã

1. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hương ước, quy ước của thôn, thị tứ; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Quy chế này.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của hội viên, đoàn viên.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Sửa bổ, bổ sung, thay thế Quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Trưởng thôn, Trưởng thị tứ báo cáo UBND xã để xem xét, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế.
